

Khung lí thuyết quản lí đào tạo giáo viên trung học cơ sở theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra dựa vào năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

Hoàng Thị Song Thanh

Trường Đại học Đồng Nai
Số 4, Lê Quý Đôn, Tân Hiệp, Biên Hòa,
Đồng Nai, Việt Nam
Email: songthanh@dnp.edu.vn

TÓM TẮT: Bằng phương pháp nghiên cứu cơ bản là hồi cứu tư liệu (phương pháp nghiên cứu lí thuyết), bài báo đề xuất khung lí thuyết quản lí đào tạo giáo viên cấp Trung học cơ sở theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra dựa vào năng lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

TỪ KHÓA: Quản lí đào tạo; giáo viên trung học cơ sở; tiếp cận chuẩn đầu ra dựa vào năng lực.

→ Nhận bài 15/12/2018 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 20/3/2019 → Duyệt đăng 25/4/2019.

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã đề ra các nhiệm vụ đối với giáo dục (GD), đào tạo (ĐT) là: 1/ Đổi mới hệ thống GD theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức GD, ĐT. Chuẩn hóa, hiện đại hóa GD và ĐT; 2/ Nâng cao chất lượng GD toàn diện, phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; 3/ Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí (QL), đáp ứng yêu cầu đổi mới GD, ĐT, ĐT lại, bồi dưỡng nhà giáo theo yêu cầu nâng cao chất lượng, trách nhiệm, đạo đức và NL nghề nghiệp; 4/ Đổi mới căn bản công tác QL GD, ĐT, đảm bảo dân chủ thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở GD, ĐT; coi trọng QL chất lượng.

Để phát triển, ĐT và ĐT lại đội ngũ giáo viên (GV) nói chung, GV cấp Trung học cơ sở (THCS) nói riêng thì nghiên cứu về QL ĐT, QL các thành tố liên quan đến quá trình ĐT luôn là chủ đề được quan tâm. Mục tiêu của QL ĐT GV THCS là đảm bảo thực hiện đầy đủ các mục tiêu, kế hoạch, nội dung chương trình ĐT theo đúng tiến độ thời gian quy định, đảm bảo đội ngũ GV được ĐT có chất lượng cao [1]. Các nghiên cứu về QL ĐT thường dựa trên các cách tiếp cận khác nhau, bên cạnh các tiếp cận truyền thống như tiếp cận mục tiêu, tiếp cận hệ thống - phức hợp, tiếp cận lịch sử - logic, gần đây tiếp cận hoạt động và tiếp cận chuẩn đầu ra dựa vào năng lực (NL) được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm sử dụng [1], [2].

Bài báo này nghiên cứu đề xuất khung lí thuyết QL ĐT GV THCS (có trình độ cao đẳng và đại học) đáp ứng yêu cầu đổi mới GD theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra dựa vào NL trên cơ sở nghiên cứu lịch sử phát triển, kinh nghiệm ĐT và QL ĐT theo hướng tiếp cận chuẩn NL đầu ra ở các nước tiên tiến trên thế giới, ở Việt Nam và khu vực; Những ưu điểm, nhược điểm, nguyên nhân hạn chế trong

QL ĐT GV THCS tại các trường đại học và cao đẳng sư phạm (CĐSP). Khung lí thuyết được đề xuất trong bài báo này sẽ là cơ sở lí luận để nghiên cứu thực tiễn, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp QL ĐT tại các cơ sở ĐT GV THCS.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các thay đổi về bối cảnh

Bối cảnh GD có nhiều thay đổi, tuy nhiên có 04 vấn đề cơ bản sau đây có tác động lớn đến ĐT và QL ĐT GV cấp THCS:

Thứ nhất, đổi mới khung cơ cấu hệ thống GD quốc dân. Một trong những hạn chế của GD phổ thông hiện nay cần có giải pháp khắc phục là vấn đề yếu kém trong GD hướng nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho HS. Hệ thống GD quốc dân hiện nay chưa hình thành rõ ràng các hướng phát triển cho HS phổ thông và thiếu sự phân luồng người học từ sau THCS cho đến hết GD phổ thông, chủ yếu là phân luồng từ sau cấp Trung học phổ thông (THPT). Theo khung cơ cấu hệ thống GD quốc dân mới (QĐ số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 ban hành Khung cơ cấu hệ thống GD quốc dân) thì vai trò của cấp học THCS và THPT đã thay đổi: Tốt nghiệp THCS là kết thúc giai đoạn GD phổ cập, GD bắt buộc, HS đã có tri thức phổ thông cơ bản, nền tảng để học tiếp lên THPT (giai đoạn định hướng nghề nghiệp), hoặc sang GD nghề nghiệp (sơ cấp, trung cấp), hoặc gia nhập thị trường lao động. Đổi mới cơ cấu hệ thống GD quốc dân đòi hỏi đẩy mạnh GD hướng nghiệp cho HS THCS để phân luồng HS sau THCS. Điều này dẫn đến cần thiết đổi mới mục tiêu ĐT GV cấp THCS theo hướng trong khung NL GV THCS (tất cả GV chứ không chỉ GV làm công tác GD hướng nghiệp) cần có NL tư vấn nói chung cho HS, tư vấn hướng nghiệp nói riêng cho HS THCS [3].

Thứ hai, đổi mới mục tiêu, yêu cầu, nội dung, chương trình GD, phương pháp GD phổ thông. Do GD phổ thông hiện nay chưa thực sự hướng tới việc hình thành nhân cách,

phát triển về thể chất, tình cảm và phát triển NL của HS, Nghị quyết 88/2014/QH13 của Quốc hội quy định: “Đổi mới chương trình, sách giáo khoa GD phổ thông nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả GD phổ thông; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền GD nặng về truyền thụ kiến thức sang nền GD phát triển toàn diện cả về phẩm chất và NL, hài hòa đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi HS.”

Thực hiện các Nghị quyết của Đảng và Quốc hội, chương trình GD phổ thông mới đang được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và NL, tạo môi trường học tập và rèn luyện, giúp người học tích lũy được kiến thức phổ thông vững chắc; Biết vận dụng hiệu quả kiến thức vào đời sống và tự học suốt đời; Có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp; Biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội; Có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại. Chương trình GD phổ thông nói chung và chương trình GD cấp THCS nói riêng thay đổi, đòi hỏi công tác ĐT GV buộc phải thích ứng theo cơ cấu môn học mới, song quan trọng nhất là GV phải thực hiện thành công chương trình GD theo định hướng NL.

Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 dẫn đến một số ngành nghề sẽ biến mất, một số ngành nghề mới xuất hiện. Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động trực tiếp trước hết đến mục tiêu GD, khung NL cần hình thành của người học, theo đó đến nội dung, phương thức, phương pháp GD [4], [5].

Thứ ba, đổi mới chuẩn đầu ra các chương trình ĐT GV phổ thông, trong đó có GV THCS. Các nghiên cứu về vấn đề GV đi đến nhận định rằng, vấn đề cơ bản ngày nay trong việc xây dựng một hệ thống GD thành công là chuyển từ bài toán đủ GV sang bài toán đủ GV có chất lượng [6]. Bên cạnh đổi mới khung cơ cấu hệ thống GD quốc dân, đổi mới chương trình, sách giáo khoa GD phổ thông thì tác động của Cách mạng Công nghiệp 4.0 đặt ra yêu cầu mới đối với đội ngũ GV nói chung, GV cấp THCS nói riêng. Chúng ta biết rằng, yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và cả nước trong bối cảnh mới thể hiện qua yêu cầu đa dạng, biến đổi nhanh chóng của thị trường việc làm. Tác động đó đặt ra yêu cầu cần phải đẩy mạnh công tác tư vấn nói chung, tư vấn tâm lí, tư vấn hướng nghiệp nói riêng cho HS cấp THCS. Như vậy, tác động của bối cảnh mới sẽ tạo ra áp lực mới, ảnh hưởng nặng nề, trực tiếp và trước hết lên đội ngũ nhà giáo và cán bộ QL GD nói chung, GV cấp THCS nói riêng. Cũng theo tiếp

Bảng 1: Tác động của bối cảnh đổi mới GD hiện nay ảnh hưởng đến khung NL của GV THCS (áp dụng khi ĐT/QL ĐT GV THCS)

TT	Những thay đổi ảnh hưởng đến khung NL của GV THCS
1	Đổi mới mục tiêu GD của cấp học THCS.
2	Đổi mới nội dung chương trình và sách giáo khoa cấp THCS, phát triển chương trình nhà trường.
3	Thực hiện một số môn học tích hợp cấp THCS.
4	Đổi mới hình thức, phương pháp dạy học.
5	Đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS cấp THCS.
6	Đổi mới GD hướng nghiệp cho HS THCS và phân luồng HS sau THCS.
7	Đổi mới công tác tư vấn nói chung, tư vấn học tập nói riêng cho HS THCS.
8	Yêu cầu về NL ngoại ngữ (tiếng Anh).
9	Yêu cầu về NL ICT.
10	Yêu cầu có khả năng tổ chức làm việc nhóm tốt (kĩ năng mềm).
11	Yêu cầu có khả năng độc lập sáng tạo trong công việc (kĩ năng mềm).
12	Yêu cầu có khả năng thích nghi nhanh với công việc, môi trường GD (kĩ năng mềm).
13	Yêu cầu có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS (kĩ năng mềm).
14	Yêu cầu có hiểu biết về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, GD và ĐT của đất nước (GV có thái độ đúng mực).
15	Yêu cầu có hiểu biết về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, GD và ĐT của địa phương (GV có thái độ đúng mực).

Bảng 2: Những khó khăn GV THCS gặp phải (sử dụng khi QL ĐT)

TT	Những khó khăn của GV THCS gặp phải
1	Thay đổi môi trường: Môi trường làm việc khác nhiều so với môi trường học tập.
2	Thiếu kiến thức chuyên môn so với thực tiễn giảng dạy.
3	Kĩ năng nghề nghiệp chưa được hình thành đầy đủ so với yêu cầu thực tiễn trường THCS.
4	Thái độ, tác phong làm việc chưa đạt.
5	Phải dạy môn học không phù hợp (so với chuyên môn ĐT).
6	Phải làm công tác kiêm nhiệm chưa được ĐT (chỉ được bồi dưỡng, cấp chứng chỉ/chứng nhận làm công tác kiêm nhiệm).
7	QL chuyên môn ở trường THCS còn nhiều thủ tục, hồ sơ chưa thiết thực.
8	Thiếu trang thiết bị/phương tiện dạy học, thiếu cơ sở vật chất phù hợp.
9	Thiếu quan hệ và hợp tác khi làm việc.
10	Thiếu NL ngoại ngữ.
11	Thiếu NL ICT.
12	Thiếu phương pháp kiểm tra đánh giá.
13	Thiếu NL tư vấn (tư vấn nói chung và tư vấn tâm lí cho HS nói riêng).
14	Thiếu NL tổ chức dạy học.
15	Thiếu NL phát triển chương trình GD (xây dựng chương trình/kế hoạch GD nhà trường).
16	Thiếu NL tư vấn hướng nghiệp cho HS THCS.

cận hoạt động, vai trò của đội ngũ GV nói chung, GV cấp THCS nói riêng chính là vai trò đối với việc GD hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp và phân luồng HS sau THCS. Bởi vậy, nhất thiết phải *đổi mới chuẩn đầu ra các chương trình ĐT GV THCS*. Theo Khung trình độ quốc gia (KTĐQG) (QĐ số 1982/QĐ -TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016) thì tốt nghiệp CĐSP - chuẩn trình độ ĐT GV THCS có trình độ bậc 5/8.

Thứ tư, đổi mới mô hình QL ĐT GV. Trong số các mô hình về QL ĐT GV, QL ĐT GV theo tiếp cận NL/chuẩn đầu ra dựa vào NL đang là vấn đề mới được quan tâm nghiên cứu. Để phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, đáp ứng yêu cầu của xã hội đang phát triển nhanh và mạnh, hệ thống GD nước ta đang đổi mới cách tiếp cận chuyển từ tiếp cận nặng về kiến thức sang tiếp cận theo NL, đề cao khả năng thực hiện công việc của người học. Song song với việc đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, ... trong ĐT GV THCS thì QL ĐT cũng phải có sự thay đổi toàn diện từ mục tiêu đến nội dung QL.

Tác động của bối cảnh mới đến khung NL của GV THCS được khảo sát cơ bản bằng bảng hỏi (xem Bảng 1), cung cấp thông tin cho ĐT và QL ĐT. Những khó khăn mà GV THCS sẽ gặp phải được trình bày trong Bảng 2 được sử để

khảo sát thực trạng QL ĐT. Kết quả khảo sát về Tác động của bối cảnh mới đến khung NL của GV THCS và Những khó khăn mà GV THCS sẽ gặp phải là cơ sở đề xuất khung lí thuyết QL ĐT.

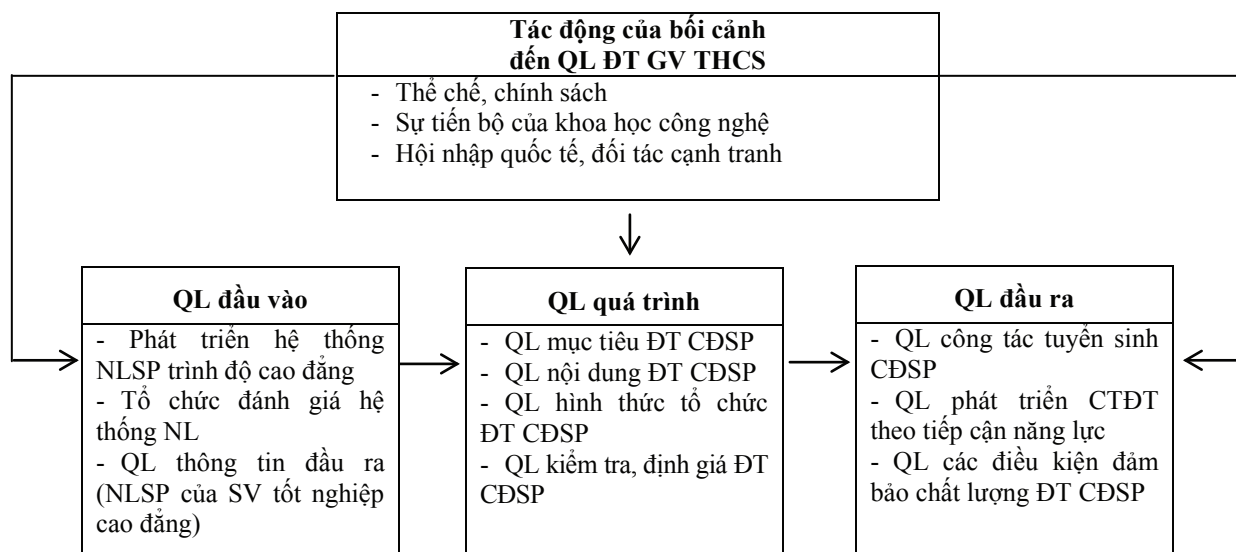
2.2. Khung lí thuyết quản lí đào tạo giáo viên trung học cơ sở theo tiếp cận chuẩn đầu ra dựa vào năng lực

2.2.1. Sơ đồ mô hình quản lí đào tạo

Mô hình lí thuyết QL ĐT GV THCS theo tiếp cận chuẩn đầu ra dựa vào NL được trình bày dưới đây là mô hình dựa vào mô hình CIPO (xem Sơ đồ 1).

2.2.2. Mô tả mô hình quản lí đào tạo

Mô hình CIPO trong ĐT GV THCS có thể được mô tả như sau [7], [8]: Đầu vào → Hoạt động ĐT GV THCS → Mục tiêu / Kết quả đầu ra. Trong khi đó, QL ĐT GV THCS theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra dựa vào NL sẽ bắt đầu với QL phát triển hệ thống chuẩn NL đầu ra của GV THCS (trình độ cao đẳng hoặc đại học) làm căn cứ tiêu chí để QL quá trình ĐT GV trên cơ sở đầu vào với trình độ giảng viên, sinh viên, chương trình ĐT và cơ sở vật chất... trong sự chi phối ảnh hưởng của chính sách, cơ chế với sự phát triển của khoa học công nghệ... để tạo ra chất lượng trong ĐT sinh



Sơ đồ 1: Sơ đồ QLĐT GV theo tiếp cận chuẩn đầu ra (CĐR) dựa vào NL

Bảng 3: Tiêu chí khảo sát, đánh giá công tác QLĐT GV THCS theo CĐR dựa vào NL

TT	Tiêu chí đánh giá công tác QLĐT
1	Phát triển hệ thống NL sư phạm.
2	Tổ chức đánh giá hệ thống NL sư phạm.
3	QL các dữ liệu sau tốt nghiệp trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp (thông tin đầu ra liên quan đến chuẩn đầu ra theo NL sư phạm của sinh viên tốt nghiệp).
4	QL mục tiêu ĐT theo CĐR dựa vào NL.
5	QL nội dung chương trình ĐT theo CĐR dựa vào NL.
6	QL hình thức tổ chức ĐT theo học chế tín chỉ hoặc ĐT theo CĐR dựa vào NL.
7	QL đánh giá kết quả học tập, tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ theo CĐR dựa vào NL.
8	QL công tác tuyển sinh.
9	QL phát triển CTĐT theo tiếp cận CĐR dựa vào NL.
10	QL các điều kiện bảo đảm chất lượng ĐT theo CĐR dựa vào NL (GV, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học,...).
11	QL mối quan hệ nhà trường và cơ sở tuyển dụng.
12	Làm báo cáo, thống kê dữ liệu ĐT theo CĐR dựa vào NL.
13	Ứng dụng các phần mềm trên máy tính hỗ trợ QLĐT theo CĐR dựa vào NL.
14	Thể chế hóa văn bản pháp quy, các chính sách trong QLĐT theo học chế tín chỉ hoặc theo CĐR dựa vào NL.
15	Vận dụng các văn bản pháp quy, các chính sách và xử lý các tình huống phát sinh trong QLĐT theo học chế tín chỉ hoặc theo CĐR dựa vào NL.
16	Chủ động đề xuất các giải pháp, phương án hợp lý trong QLĐT theo học chế tín chỉ hoặc theo CĐR dựa vào NL.
17	QL tác động của bối cảnh hội nhập quốc tế, đối tác cạnh tranh.

viên (NL sư phạm của sinh viên được hình thành và phát triển). Do vậy, QLĐT GV theo tiếp cận NL có thể được biểu hiện bằng sơ đồ: Chuẩn đầu ra/Kết quả đầu ra → Quá trình ĐT GV → Đầu vào.

Theo sơ đồ trên, QLĐT GV THCS trình độ cao đẳng theo

tiếp cận NL bao gồm QL phát triển hệ thống NL sư phạm của GV (QL đầu ra GV THCS trình độ cao đẳng), QL quá trình và QL đầu vào trong các tác động của bối cảnh đến công tác QLĐT GV THCS trình độ cao đẳng.

QL xây dựng chuẩn đầu ra dựa vào NL của chương trình

ĐT GV THCS trình độ cao đẳng (*QL đầu ra*) bao gồm tổ chức đánh giá hệ thống NL sư phạm và QL thông tin đầu ra liên quan đến NL sư phạm của sinh viên tốt nghiệp CĐSP.

QL xây dựng mục tiêu và nội dung của chương trình ĐT GV THCS trình độ cao đẳng theo chuẩn đầu ra (*QL quá trình*) bao gồm QL xây dựng mục tiêu, QL xây dựng nội dung của chương trình ĐT GV trình độ cao đẳng (định hướng nội dung ĐT sư phạm, nội dung ĐT GV gắn với thực tiễn nghề nghiệp của GV, cấu trúc nội dung ĐT GV).

QL hình thức tổ chức ĐT GV THCS trình độ cao đẳng (QL quá trình) bao gồm *QL hình thức tổ chức ĐT trong một trường*, QL tổ chức phối hợp giữa trường đại học/CĐSP và trường phổ thông trong ĐT GV THCS trình độ cao đẳng.

QL kiểm tra, đánh giá kết quả ĐT GV THCS trình độ cao đẳng theo chuẩn đầu ra dựa vào NL (*QL quá trình*) bao gồm: văn bản về kiểm tra đánh giá, tổ chức thực hiện, tập huấn bồi dưỡng công tác đánh giá và thông tin kết quả NLSP người học.

QL công tác tuyển sinh ĐT GV THCS trình độ cao đẳng (*QL đầu vào*) là xây dựng phương án tuyển sinh, xây dựng lịch trình công tác tuyển sinh, thành lập hội đồng tuyển sinh, xác định chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô tuyển sinh, tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh và đánh giá công tác tuyển sinh.

QL phát triển CTĐT GV THCS trình độ cao đẳng theo tiếp cận chuẩn đầu ra dựa vào NL (*QL đầu vào*) là xác định cụ thể những định hướng phát triển CTĐT, phân cấp QL và việc tổ chức thực hiện. Phát triển CTĐT GV THCS trình độ cao đẳng là một quá trình liên tục, gồm nhiều công đoạn gắn chặt với nhau khép kín tuần hoàn.

QL điều kiện đảm bảo ĐT GV THCS trình độ cao đẳng theo chuẩn đầu ra dựa vào NL (*QL đầu vào*) bao gồm xác định NL nghề nghiệp của đội ngũ GV, QL các lực lượng tham gia công tác ĐT GV, QL phát triển môi trường văn hóa chất lượng Nhà trường. GV cần có đủ phẩm chất NL chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi GD phổ thông mà trọng tâm là chương trình GD phổ thông mới. Theo tác giả Đào Thị Oanh [9] NL nghề nghiệp GV của giảng viên đại học sư phạm bao gồm: NL phát triển chương trình môn học; lập kế hoạch bài học; tổ chức QL dạy học; sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; đánh giá kết quả học tập trong dạy học; GD nghề nghiệp cho sinh viên; hướng dẫn thực hành, thực tập sư phạm; tư vấn cho sinh viên.

QL tác động của bối cảnh đến QL ĐT GV THCS trình

độ cao đẳng theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra dựa vào NL (Bối cảnh) bao gồm QL các yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan. Để đáp ứng những yêu cầu của bối cảnh đổi mới và thực tiễn nhà trường đối với người GV, nhiều nước trên thế giới đã tiến hành những cải cách quan trọng trong ĐT GV theo hướng chuyển trọng tâm từ tiếp cận trang bị kiến thức về nghề sang hình thành và phát triển NL nghề. Chính sách đóng vai trò quan trọng giúp công tác QL ĐT GV ngày càng nâng cao chất lượng, hiệu quả. Bên cạnh các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến QL ĐT GV THCS còn có những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của công tác QL ĐT. Các yếu tố chủ quan chính bao gồm: *Thứ nhất*, chất lượng đội ngũ giảng viên và đầu vào của HS, sinh viên. *Thứ hai*, nhận thức của cán bộ QL và giảng viên giảng dạy nghiệp vụ. *Thứ ba*, chương trình ĐT sư phạm và phương pháp ĐT nghề của Nhà trường. *Thứ tư*, nguồn tài chính, nguồn vốn đầu tư phục vụ quá trình ĐT sư phạm (xem Bảng 3).

3. Kết luận

Sử dụng phương pháp hồi cứu tài liệu kết hợp với đánh giá định tính, bài báo này đề xuất khung lý thuyết QL ĐT GV THCS (có trình độ cao đẳng và đại học) đáp ứng yêu cầu đổi mới GD theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra dựa vào NL dựa trên mô hình CIPO. Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử phát triển ĐT và QL ĐT theo hướng tiếp cận chuẩn NL đầu ra ở các nước tiên tiến trên thế giới, ở Việt Nam và khu vực, nghiên cứu đề xuất rằng: đầu vào của QL ĐT là phát triển hệ thống NLSP, tổ chức đánh giá hệ thống NL, QL thông tin đầu ra (NLSP của SV tốt nghiệp). Quá trình QL bao gồm: QL mục tiêu, QL nội dung, QL hình thức tổ chức và QL kiểm tra, định giá kết quả ĐT. QL đầu vào bao gồm: QL công tác tuyển sinh, phát triển CTĐT theo tiếp cận NL và QL các điều kiện đảm bảo chất lượng ĐT. Tác động của bối cảnh đổi mới GD đến QL ĐT GV THCS là quá trình hoàn thiện cơ chế, chính sách, sự tiến bộ của khoa học công nghệ (Cách mạng công nghiệp 4.0), bối cảnh hội nhập quốc tế. Những ưu điểm, nhược điểm, nguyên nhân hạn chế trong QL ĐT GV THCS tại các trường đại học và CĐSP cũng được phân tích dự báo. Khung lý thuyết được đề xuất trong bài báo này sẽ là cơ sở lý luận để nghiên cứu thực tiễn, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp QL ĐT tại các cơ sở ĐT GV THCS.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Đức Trí, (2010), *Quản lý quá trình đào tạo trong nhà trường*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Lan Phương, (2011), *Về xây dựng chuẩn đầu ra tại trường cao đẳng Nguyễn Tất Thành*, Tạp chí Giáo dục, số 257, tháng 03 năm 2011.
- [3] Trần Công Phong, Đỗ Thị Bích Loan (đồng chủ biên), (2016), *Phân luồng và liên thông trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Phạm Hồng Quang, (2018), *Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0*, Ki yếu Hội thảo quốc tế “Chiến lược và kế hoạch giáo dục trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0” của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, ngày 5-7 tháng 02 năm 2018.
- [5] Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, *Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam và những vấn đề đặt ra trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0*, Ki yếu Hội thảo quốc tế “Chiến lược và kế hoạch giáo dục trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0” của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 5-7 tháng 02 năm 2018.
- [6] Coorper, Alvarado, (2006), *Preparation, recruitment and*

retention of teachers - “Chuẩn bị, tuyển dụng và duy trì đội ngũ giáo viên”.

- [7] Phạm Hồng Quang, (2012), *Giải pháp đào tạo giáo viên theo định hướng năng lực nghề nghiệp*, Số tháng 3 năm 2012, Tạp chí Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
- [8] Trần Khánh Đức, (2013), *Nghiên cứu nhu cầu và xây dựng mô hình đào tạo theo năng lực trong lĩnh vực giáo dục*, Đề tài Trọng điểm Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số: QGTD, 2013.
- [9] Đào Thị Oanh, (2014), *Giải pháp nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm, nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý đào tạo cho giảng viên đại học sư phạm*. Đề tài Nghiên cứu Khoa học giáo dục cấp Bộ, Mã số: B2011-17-CT07.

THEORETICAL FRAMEWORK FOR MIDDLE SCHOOL TEACHER TRAINING MANAGEMENT, IN THE DIRECTION OF APPROACHING COMPETENCY-BASED LEARNING OUTCOMES STANDARD TO MEET EDUCATION INNOVATION REQUIREMENTS

Hoang Thi Song Thanh

Dong Nai University
No. 4 Le Quy Don, Tan Hiep, Bien Hoa,
Dong Nai, Vietnam
Email: songthanh@dnpu.edu.vn

ABSTRACT: *Using the basic research method of retrospective data research (theoretical research method), this paper proposes the theoretical framework for middle school teacher training management, in the direction of approaching competency-based learning outcomes standard, meeting the requirements of education innovation.*

KEYWORDS: *Training management; middle school teachers; approach competency-based learning outcomes standard.*

Gợi ý tổ chức dạy học môn học lựa chọn ở trường trung học phổ thông theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới

Phạm Đức Quang¹, Lê Anh Tuấn²,
Nguyễn Sỹ Hiệp³

¹ Email: pdquanghn62ktrung@gmail.com

² Email: leanhtuan222@gmail.com

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
50 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

³ Trường Trung học cơ sở Đào Sư Tích
Đường Hữu Nghị, thị trấn Cổ Lễ,
huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, Việt Nam
Email : nguyenhiepedu@gmail.com

TÓM TẮT: *Dạy học phân hoá là xu thế của thời đại: mang đậm tư tưởng dân chủ hóa nhà trường, đảm bảo công bằng xã hội, góp phần thực hiện phân luồng học sinh,... Nhưng ở nước ta đến nay, với nhiều giáo viên vẫn còn là vấn đề cần có những hướng dẫn thêm. Bài viết làm rõ thêm về dạy học phân hoá, cơ sở khoa học của dạy học phân hoá, tư tưởng chủ đạo và nguyên tắc, các bước tổ chức dạy học phân hoá, từ đó gợi ý cách thức tổ chức dạy học môn học lựa chọn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới nước ta (ban hành tháng 12 năm 2018).*

TỪ KHÓA: Dạy học phân hoá; dạy học môn học lựa chọn.

→ Nhận bài 11/02/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 20/3/2019 → Duyệt đăng 25/4/2019.

1. Đặt vấn đề

Chương trình giáo dục (CTGD) phổ thông mới ở nước ta theo định hướng phát triển năng lực người học, được ban hành tháng 12 năm 2018. Theo đó, ở trung học phổ thông (THPT) có tăng cường dạy học phân hoá (DHPH). Nhưng đến nay, ở nước ta, với nhiều giáo viên (GV), thiết kế và tổ chức DHPH vẫn còn là vấn đề mới. Vì thế đa số còn lúng túng, mong muốn được hướng dẫn cụ thể để có thể hiểu và tự tin khi tổ chức DHPH, đáp ứng yêu cầu của chương trình mới. Bài viết này nhằm giúp GV hình dung lại về DHPH; cơ sở khoa học của DHPH ở trường phổ thông; tư tưởng chủ đạo và nguyên tắc, các bước tổ chức DHPH; gợi ý dạy học môn học lựa chọn theo CTGD phổ thông mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề chung về dạy học phân hoá

2.1.1. Dạy học phân hoá

DHPH là một quan điểm dạy học, một hướng để tăng cường phong cách học tập của cá nhân, giúp phát triển năng lực cho người học, góp phần đổi mới giáo dục nước nhà. Quan điểm này được hình thành dựa trên nhiều cơ sở khác nhau như trình độ nhận thức của người học, nhu cầu của người học, phong cách học và trí tuệ của người học,... Chính các yếu tố đó hình thành nên bản chất, đặc thù của DHPH, đó là phải dạy học sao cho vừa sức với đối tượng, phát triển được tiềm năng của người học và tạo hứng thú cho người học. Theo đó, đặc điểm của DHPH là phát hiện và bù đắp lỗ hổng kiến thức, tạo động lực thúc đẩy học tập; biến niềm đam mê trong cuộc sống thành động lực trong học tập.

Tư tưởng chủ đạo của DHPH là lấy trình độ phát triển chung của người học trong lớp làm cốt và sử dụng các biện

pháp dạy học để giúp người học có trình độ yếu kém đạt được trình độ chung, giúp người học khá, giỏi đạt trình độ cao hơn. Muốn vậy, người dạy phải thiết kế các nội dung và có hình thức dạy học phù hợp với đối tượng để tạo hiệu quả cao nhất cho giờ dạy.

Về cơ bản, chức năng của DHPH là làm cho quá trình và hệ thống dạy học thích ứng cao hơn với người học, với những đặc điểm của nhóm dân cư, nhóm xã hội, nhóm tuổi, với bản chất tự nhiên và xã hội của việc học tập và với điều kiện khác nhau để đảm bảo chất lượng học tập, đồng thời đáp ứng hiệu quả hơn mục tiêu giáo dục quốc gia, nhu cầu và lợi ích xã hội. Có thể thấy, DHPH là xu thế của thời đại, mang đậm tư tưởng dân chủ hóa nhà trường, đảm bảo công bằng xã hội; góp phần thực hiện phân luồng học sinh (HS); Ở trường phổ thông, DHPH có thể thực hiện ở 2 cấp độ như sau:

- *DHPH ở cấp vĩ mô (hay phân hoá ngoài)*, là tổ chức quá trình dạy học thông qua các loại trường, lớp khác nhau, cho các đối tượng HS khác nhau, xây dựng các chương trình giáo dục (CTGD) khác nhau.

Phân hóa ngoài chính là cách tổ chức dạy học theo các CTGD khác nhau cho các nhóm người học khác nhau nhằm đáp ứng được nhu cầu, sở thích và năng lực của từng nhóm đó. Kết quả phân hóa ngoài phụ thuộc chủ yếu vào việc thiết kế nội dung, chương trình các môn học.

Có nhiều hình thức tổ chức DHPH ngoài khác nhau, nhưng đa số các nước theo một trong hai hình thức sau: Phân hóa theo hướng *phân ban* và tổ chức dạy học phân hóa theo hướng *lựa chọn*.

- *DHPH ở cấp vi mô (hay phân hoá trong)*, là tổ chức quá trình dạy học trong một giờ học, một lớp học, có tính đến đặc điểm từng đối tượng HS, nhờ sử dụng những biện